

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2018/DS-ST**.

Ngày: 12 - 10 - 2018.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự vay
tài sản* giữa bà T và bà L, anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Đức Minh**
2. Bà **Phan Thị Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **12** tháng **10** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Âu Thị Kiều T** sinh năm: 1962
Địa chỉ cư trú: Tổ 6, Thị trấn N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt).
- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1956
Địa chỉ cư trú: Tổ 10, Thị trấn N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Vũ Quốc H**, sinh năm: 1980
Địa chỉ cư trú: Tổ 10, Thị trấn N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Âu Thị Kiều T trình bày:

Vào ngày 15/11/2016 bà L có hỏi vay bà T số tiền 30.000.000đ nhưng do trước đó con trai bà L là anh H có vay của bà T số tiền 40.000.000đ nên bà T yêu cầu bà L phải nhận trả luôn số tiền 40.000.000đ thì bà L đồng ý và ký tên xác nhận nợ tổng số tiền là 70.000.000đ; thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Sau đó bà L đã trả 30.000.000đ và còn nợ 40.000.000đ. Anh H đã trả được 2.400.000đ tiền lãi. Vì vậy, bà T yêu cầu bà L phải trả số nợ gốc là 40.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo pháp luật từ ngày vay đến nay trừ đi số tiền lãi 2.400.000đ anh H đã trả trước đó.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L không nhớ cụ thể ngày tháng năm nhưng trước đây bà L có vay của bà T số tiền 30.000.000đ, khi vay tiền bà L có viết giấy biên nhận vay tiền trên nền giấy kẻ học sinh chứ không vay số tiền 70.000.000đ. Việc bà L có ký vào giấy vay số tiền 70.000.000đ với bà T là do con trai bà L là anh Vũ Quốc H có vay của bà T số tiền 40.000.000đ nên khi bà L vay số tiền 30.000.000đ thì bà T yêu cầu bà L phải nhận trả luôn cả số tiền do con trai bà L vay nên bà L mới ký vào giấy vay tiền lập ngày 15/11/2016. Sau đó, bà L đã trả cho bà T số tiền 30.000.000đ, còn số tiền 40.000.000đ thì do con trai bà L là anh Vũ Quốc H vay nên anh H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quốc H trình bày:

Anh H thống nhất như ý kiến và lời trình bày của bà L. Anh H đồng ý trả cho bà T số tiền 40.000.000đ và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/11/2016 cho đến nay.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Âu Thị Kiều T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T; Buộc anh H phải trả cho bà T tổng số tiền là 45.203.000đ trong đó tiền gốc là 40.000.000đ, tiền lãi là 5.203.000đ. Đồng thời buộc đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Bà Âu Thị Kiều T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Quốc H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và anh Vũ Quốc H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:**

Vào ngày 15/11/2016 bà L có ký 01 giấy vay tiền của bà T với tổng số tiền là 70.000.000đ; thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận. Sau đó bà L đã trả cho bà T số tiền 30.000.000đ. Số tiền còn lại bà L không trả cho bà T nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T, bà L và anh H đều thừa nhận trong số tiền này thì

anh H là người vay của bà T số tiền 40.000.000đ, bà L vay của bà T số tiền 30.000.000đ nhưng đã trả xong. Số tiền còn lại bà L cho rằng đó là khoản tiền con trai bà là anh H vay nên anh H phải có trách nhiệm trả. Anh H đồng ý trả cho bà T số tiền đã vay là 40.000.000đ. Vì vậy, cần buộc anh H phải trả cho bà T số nợ gốc 40.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

Về lãi suất:

Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 15/11/2016 đến nay trừ đi số tiền lãi 2.400.000đ anh H đã trả trước đó. Tuy nhiên, trong giấy vay tiền hai bên chỉ ghi lãi suất theo thỏa thuận mà không xác định được mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, cần xác định thuộc trường hợp không xác định rõ lãi suất.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất giới hạn không được vượt quá 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Như vậy, mức lãi suất được áp dụng là $(1,66 \times 50\%) = 0,83\%/tháng$. Tiền lãi được tính từ ngày vay 15/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22 tháng 27 ngày $\times 40.000.000đ \times 0,83\%/tháng = 7.603.000đ$ trừ đi số tiền lãi 2.400.000đ anh H đã trả trước đó nên còn nợ 5.203.000đ tiền lãi.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T; Buộc anh H phải có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền là 45.203.000đ. Trong đó gốc là 40.000.000; lãi là 5.203.000đ.

- **Về án phí:** Vụ kiện có giá ngạch, anh H phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: $45.203.000đ \times 5\% = 2.260.000đ$.

Bà T không phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Âu Thị Kiều T đối với bà Nguyễn Thị L, anh Vũ Quốc H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc anh Vũ Quốc H phải có trách nhiệm trả cho bà Âu Thị Kiều T tổng số tiền là 45.203.000đ (*Bốn mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc là 40.000.000đ; lãi là 5.203.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Anh Vũ Quốc H phải chịu 2.260.000đ (*Hai triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Âu Thị Kiều T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Âu Thị Kiều T được nhận lại số tiền 2.030.000đ (*Hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số AA/2015/0005114 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường